TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/DS-ST
Ngày: 20-9-2023
V/v "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Lý.

2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh B; địa chỉ: 11/29 đường L, tổ 5, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Anh Lê Thanh B uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị H1 tham gia tố tụng (theo văn bản uỷ quyền ngày 11-7-2023). Chị H1 có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Lý Thị H2; địa chỉ: 02 đường B, tổ 1, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà H2 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn và là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H1 trình bày*:

Giữa vợ chồng chị và bà Lý Thị H2 có mối quan hệ quen biết thân thiết nên vợ chồng chị cho bà Lý Thị H2 vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 09-7-2021, bà H2 vay 150.000.000 đồng.

- Ngày 17-9-2021, bà H2 vay 100.000.000 đồng.

- Ngày 27-9-2021, bà H2 vay 50.000.000 đồng.

- Ngày 03-10-2021, bà H2 vay 50.000.000 đồng.

- Ngày 04-11-2021, bà H2 vay 100.000.000 đồng.

- Ngày 22-11-2021, bà H2 vay 50.000.000 đồng.

- Ngày 23-11-2021, bà H2 vay 70.000.000 đồng.

- Ngày 24-11-2021, bà H2 200.000.000 đồng.

Tất cả những lần vay tiền nói trên, chị đều chuyển khoản cho bà H2, tổng cộng là 770.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng chị cho bà H2 vay 220.000.000 đồng (Chị đưa tiền mặt cho bà H2).

Tính đến ngày 24-11-2021, bà H2 còn nợ vợ chồng chị 990.000.000 đồng và bà H2 đã viết giấy xác nhận nợ vợ chồng chị 990.000.000 đồng, lãi suất theo thoả thuận là 10%/năm.

Ngày 30-12-2022, bà H2 đã trả cho vợ chồng chị 480.000.000 đồng và ngày 29-5-2023, con trai của bà H2 chuyển khoản trả cho vợ chồng chị 10.000.000 đồng; tổng cộng bà H2 đã trả cho vợ chồng chị 490.000.000 đồng nợ gốc. Đồng thời, bà H2 đã trả cho vợ chồng chị tiền lãi tính đến ngày 30-12-2022.

Sau đó vợ chồng chị đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà H2 cứ hứa hẹn và không trả cho vợ chồng chị 500.000.000 đồng nợ gốc còn lại và tiền lãi.

Tại phiên toà, vợ chồng chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H2 phải trả cho vợ chồng chị 500.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi 10%/năm trên nợ gốc tính từ ngày 01-01-2023 đến ngày xét xử vụ án.

Trong trường hợp, bà H2 trả ngay cho vợ chồng chị 500.000.000 đồng nợ gốc thì vợ chồng chị sẽ không yêu cầu bà H2 trả lãi.

2. Bị đơn là bà Lý Thị H2 trình bày:

Chị Nguyễn Thị H1 vốn là chỗ quen thân với gia đình bà và cùng cho nhau vay mượn tiền để làm ăn từ nhiều năm nay, vì tin tưởng và uy tín nên bà thường vay tiền của chị H1 và trả cho chị H1 mà không cần phải viết giấy tờ gì hết, kể cả trả tiền gốc cũng như tiền lãi.

Thời điểm ngày 24-11-2021, bà đã vay chị H1 tổng cộng 990.000.000 đồng và thỏa thuận trả lãi cho chị H1 là 100.000.000 đồng thì trả lãi cho chị H1 mỗi tháng 6.000.000 đồng. Vì theo thói quen giữa bà và chị H1 vẫn thỏa thuận bằng lời nói như bao lần trước. Và kể từ thời điểm đó bà vẫn trả lãi đều đặn cho chị H1 theo đúng lãi suất như thỏa thuận cho đến gần cuối tháng 12-2022. Do số tiền trên bà đang cho người khác vay và người ta không trả nên bà không thể trả lãi cho chị H1 được.

Vì vậy, chị H1 đã khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc và nợ lãi trên. Nay, bà tự khai về diễn biến quá trình vay, trả tiền nợ gốc cũng như nợ lãi với chị Nguyễn Thị H1, như sau:

Về tiền nợ gốc: Việc cho vay nợ và trả nợ giữa chị H1 và bà dựa trên cơ sở sự quen biết thân tình đặc biệt như người thân trong nhà, nên giấy nhận nợ chỉ viết tay (mà do chính nguyên đơn, tức chủ nợ viết, bà chỉ cứ việc ký xác nhận) hay có trường hợp chỉ trao đổi bằng lời nói (như trường hợp bà có trả nợ gốc cho chị H1 2 lần: một lần 480.000.000 đồng vào ngày 30-12-2022, chị H1 tự tay viết nhận khoản tiền trong tổng số nợ 990.000.000 đồng và một lần 10.000.000 đồng khi chị H1 nhắn tin cho số tài khoản để con trai bà chuyển khoản trả cho chị H1 mà không hề ghi nội dung chuyển tiền vào ngày 29-5-2023, cộng dồn là 490.000.000 đồng, nhưng chị H1 không nhớ. Như vậy, trong tổng số tiền mà bà nợ chị H1 990.000.000 đồng thì bà đã trả cho chị H1 490.000.000 đồng, nợ gốc còn lại là 500.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Việc cho mượn nợ, thu nợ, lãi, hoàn toàn do chị H1 theo dõi, ghi chép, tính toán, chứ bà không giữ bất cứ tài liệu nào về quá trình vay, trả nợ và cũng không có bất cứ đề nghị nào về mặt thủ tục pháp lý (như viết hợp đồng có công chứng hoặc ít ra hợp đồng tay vay nợ có nhân chứng v.v...) xuất phát từ lý do là bà ít học và không hiểu gì về pháp luật. Mỗi lần vay thì chị H1 và bà chỉ thỏa thuận lãi bằng lời nói với nhau là cứ 100.000.000 đồng thì mỗi tháng bà trả cho chị H1 6.000.000 đồng tiền lãi. Cứ như thế bà đã trả tiền lãi cho 990.000.000 đồng đến gần cuối tháng 12-2022 với số tiền rất nhiều mà không hề ghi giấy tờ gì hết.

Tổng số tiền lãi mà bà đã trả cho chị H1 từ thời điểm ngày 24-11-2021 cho đến cuối tháng 12-2022 là khoảng 772.200.000 đồng.

Từ sự việc như trên, bà đề nghị Tòa án xem xét lại yêu cầu khởi kiện của chị H1 về khoản nợ gốc và nợ lãi. Tính đến nay, bà còn nợ chị H1 và anh B 500.000.000 đồng nợ gốc.

Hiện nay, công việc làm ăn kinh tế khó khăn nên bà không có tiền để trả nợ ngay cho chị H1 và anh B. Bà đề nghị được trả dần nợ gốc, mỗi tháng bà sẽ trả cho chị H1 10.000.000 đồng cho đến khi hết 500.000.000 đồng nợ gốc. Trong trường hợp bà lấy được tiền nợ vay từ người khác thì bà sẽ trả cho chị H1 và anh B nhiều hơn. Đồng thời, đề nghị chị H1 và anh B giảm toàn bộ tiền lãi cho bà.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh B khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn là bà Lý Thị H2; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố P nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[1.2] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 05-7-2023, chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh B không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh B cho bà Lý Thị H2 vay tiền nhiều lần. Tính đến ngày 24-11-2021, bà H2 còn nợ của chị H1 và anh B 990.000.000 đồng nợ gốc. Vì vậy, bà H2 ký tên xác nhận vào "*Hợp đồng vay tiền*" đề ngày 24-11-2021 để thừa nhận còn nợ chị H1 và anh B 990.000.000 đồng nợ gốc, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 10%/năm và thời hạn trả nợ là ngày 24-5-2022.

Ngày 30-12-2022, bà H2 đã trả cho chị H1 và anh B 480.000.000 đồng và ngày 29-5-2023, bà H2 trả cho chị H1 10.000.000 đồng (do con trai của bà H2 chuyển khoản cho chị H1); tổng cộng bà H2 đã trả cho chị H1 và anh B 490.000.000 đồng nợ gốc. Đồng thời, bà H2 đã trả cho chị H1 và anh B tiền lãi tính đến ngày 30-12-2022. Từ ngày 01-01-2023 cho đến nay, chị H1 và anh B đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà H2 không trả 500.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi cho chị H1 và anh B.

Do bên vay không tự nguyện trả nợ nên chị H1 và anh B yêu cầu Tòa án xử buộc bà H2 phải trả cho chị H1 và anh B 500.000.000 đồng nợ gốc theo "*Hợp đồng vay tiền*" ngày 24-11-2021 và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm của 500.000.000 đồng tính từ ngày 01-01-2023 đến ngày 20-9-2023.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên chị H1 và anh B khởi kiện là có căn cứ.

Hội đồng xét xử sẽ xử buộc bà H2 phải trả cho chị H1 và anh B 500.000.000 đồng nợ gốc.

Về tiền lãi:

Quá trình tham gia tố tụng, chị H1 và anh B trình bày rằng lãi suất do hai bên thỏa thuận là 10%/năm, bà H2 lại cho rằng mỗi tháng bà phải trả tiền lãi cho chị H1 và anh B với mức lãi suất là 6%/tháng.

Tại phiên tòa, chị H1 yêu cầu bà H2 phải trả tiền lãi của 500.000.000 đồng nợ gốc, với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 01-01-2023 đến ngày 20-9-2023.

Tại mục 3.1 Điều 3 của "*Hợp đồng vay tiền*" ngày 24-11-2021 thể hiện: "*Mức lãi suất do hai bên tự thoả thuận là: 10%/năm, tính từ ngày nhận tiền vay*".

Vì vậy, yêu cầu của chị H1 là phù hợp với sự thoả thuận của các bên và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận. Do vậy, tiền lãi mà bà H2 phải trả cho chị H1 và anh B được tính như sau:

Từ ngày 01-01-2023 đến ngày 20-9-2023 là 259 ngày: 500.000.000 đồng x 634 ngày x 10%/365 ngày = 35.479.500 đồng.

Tổng số nợ gốc và tiền lãi mà bà H2 phải trả cho chị H1 và anh B là: 500.000.000 đồng + 35.479.500 đồng = 535.479.500 đồng.

Bà H2 trình bày rằng bà đã trả tiền lãi cho chị H1 và anh B với mức lãi suất 6%/tháng, tính đến ngày 30-12-2022 bà đã trả cho chị H1 và anh B khoảng 772.200.000 đồng, khi trả tiền lãi chị H1 và anh B không viết giấy biên nhận tiền cho bà. Tại phiên toà, bà H2 mở băng ghi âm có nội dung thể hiện ngày 06-12-2022, bà H2 trả cho chị H1 42.000.000 đồng tiền lãi nhưng bà H2 không nhớ được 42.000.000 đồng này là tiền lãi của số tiền nợ gốc là bao nhiêu và khoảng thời gian để tính tiền lãi là từ thời điểm nào; quá trình tham gia tố tụng, chị H1 và anh B trình bày rằng bà H2 đã trả tiền lãi cho họ đến ngày 30-12-2022 và chỉ yêu cầu bà H2 trả tiền lãi tính từ ngày 01-01-2023 đến ngày xét xử vụ án.

Lời khai của bà H2 về việc bà đã trả tiền lãi cho chị H1 và anh B với mức lãi suất là 6%/tháng, không được chị H1 thừa nhận và bà H2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời khai của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định lời khai của bà H2 là đúng sự thật.

Xét, bà H2 yêu cầu được trả cho chị H1 và anh B mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết 500.000.000 đồng nợ gốc; đồng thời, đề nghị chị H1 và anh B không yêu cầu bà phải trả lãi của 500.000.000 đồng nợ gốc tính từ ngày 01-01-2023 đến nay, nhưng không được phía chị H1 và anh B chấp nhận và yêu cầu này cũng trái với khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử không thể thỏa mãn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh B.

Buộc bà Lý Thị H2 phải trả cho chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh B 535.479.500 đồng (*trong đó có 500.000.000 đồng nợ gốc và 35.479.500 đồng tiền lãi*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lý Thị H2 phải chịu 25.419.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh B 25.605.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001034 ngày 06-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 20-9-2023.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền